TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – T do – Hạnh phúc

Bản án số:39 /2018/HSST
Ngày 22/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM,TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Bảo
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Xuân Chung
Ông Nguyễn Hữu Thái
Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 08 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/HSST, ngày 13 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa ra xét xử số 49/2018/HSST- QĐ ngày 06/8/2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1992. Tên gọi khác: Phạm Văn T;Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện G, tỉnh Bắc Ninh;dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn Giáo: Không;văn hoá: 08/12; nghề nghiệp:Không ; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1971;con bà Phạm Thị Q, sinh năm 1972; bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất; vợ, con: Chưa; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Bị hại:

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xây dưng Xuân Đại lợi.

Trụ sở :A8-A9 KP6, P. Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T, sinh 1986;

Trú tại: Thôn Chỉ Tác, xã H, huyện L(có mặt).

- Ông Dương Thanh C, sinh 1969

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L(vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ông Đặng Văn T, sinh 1986;

Trú tại: Thôn Chỉ Tác, xã H, huyện L(có mặt).

-Anh Nguyễn Văn Chinh, sinh 1989(vắng mặt)

Trú tại: Viêm Xá, xã H, Thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

-Anh Vũ Đình Hiệp, sinh 1988(vắng mặt)

Trú tại: Hương Triện, xã Nhân T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

-Bà Phạm Thị Q, sinh 1972(có mặt)

Trú tại: Thôn K, xã C, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T có tên gọi khác là Phạm Văn T, biết lái máy xúc. T thường lên mạng xã hội để tìm việc làm. Ngày 21/02/2018, T biết thông tin anh Dương Văn Huân ở thôn T, xã T, huyện L đang cần thuê người lái máy xúc, T đã chủ động đến nhà anh Huân xin lái máy xúc thuê và được anh Huân đồng ý. Ngày 23/02/2018, anh Huân đã điều T lái máy xúc đến làm thuê xới đất vườn cho gia đình ông Dương Văn C, ở thôn T, xã T, huyện L. T làm việc tại nhà ông C đến chiều tối thì anh Huân có mượn của ông C chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wawe RSX màu đỏ-đen, biển kiểm soát 98B-270.59 để T đi về nhà anh Huân ăn cơm, sáng hôm sau là ngày 24/02/2018 T mang xe trả cho ông C rồi tiếp tục công việc lái máy xúc. Đến khoảng 17 giờ ngày 24/02/2018, T hỏi mượn ông C chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B-270.59 để đi về nhà chị Cao Thị Nga ở thôn Hồ Sơn 2, xã Bảo Sơn, huyện L là bạn của anh Huân để ăn cơm, do ông C tin tưởng T đang lái máy xúc cho anh Huân nên đã đồng ý cho T mượn xe. Sau khi ăn cơm tối ở nhà bà Nga xong, T nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô mượn của ông C đi C cố lấy tiền ăn tiêu cá nhân. Sau đó T đã T ý đi xe của ông C đến nhà anh Vũ Đình Hiệp ở thôn Hương Triện, xã Nhân T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh và đặt vấn đề muốn bán chiếc xe mô tô trên, T nói với anh Hiệp chiếc xe là của T mua lại khi lên làm việc tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi anh Hiệp hỏi "Có đăng ký xe không?" thì T trả lời là "Không có", thấy vậy anh Hiệp không đồng ý mua xe mà chỉ đồng ý cho T vay số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), T phải để lại chiếc xe để thế chấp. T và anh Hiệp có viết giấy "Mua, bán, tặng, cho xe mô tô" biển kiểm soát 98B-270.59 với nội dung khi T mang đăng ký xe đến thì anh Hiệp sẽ mua lại xe với giá 7.000.000 đồng (B triệu đồng), đã trả 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), còn 3.000.000 đồng khi nào T mang đăng ký xe đến sẽ thanh toán nốt. Sau khi nhận được tiền từ anh Hiệp, T đã tiêu dùng cá nhân hết và không quay trở lại nhà anh Huân làm việc nữa.

T ở nhà đến ngày 13/4/2018 thì biết thông tin anh Đặng Văn T ở thôn Chỉ Tác, xã H, huyện L đang cần thuê người lái máy xúc, T đã đến xin anh T cho lái máy xúc thuê thì được anh T đồng ý. Quá trình làm việc cho anh T, T để ý thấy anh T thường cho những người làm thuê đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA

Future Neo màu đỏ, biển kiểm soát 39F2-6446 của anh T từ nhà anh T ra mỏ khai thác đất cách nhà anh T khoảng 500m và ngược lại. T lái máy xúc đến ngày 15/4/2018 thì anh T bảo T phụ giúp thợ sửa máy xúc tại khu mỏ khai thác đất, đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì sửa máy xúc xong, anh T bảo T đi chiếc xe mô tô biển kiểm soát 39F2-6446 mang đồ đạc về nhà anh T cất. Sau khi dùng chiếc xe mô tô trên chở đồ về cất tại nhà anh T thì T nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô trên đi C cố lấy tiền ăn tiêu cá nhân. Do T đã từng gặp anh Nguyễn Văn Chinh sinh năm 1989 ở thôn Viêm Xá, xã H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và biết anh Chinh làm nghề C đồ, nên T đã dùng điện thoại điện cho anh Chinh để hỏi C cố chiếc xe trên. Qua điện thoại T đặt vấn đề muốn C cố chiếc xe, lúc đầu anh Chinh không đồng ý vì xe không có đăng ký nhưng T nói "Anh cứ C cho em, tầm 2 đến 3 hôm em đem đăng ký xe đưa anh", T hẹn anh Chinh là "Chỉ 3 hôm là em chuộc xe" thì anh Chinh đồng ý C cố xe cho T và hẹn gặp T tại khu Cầu Cạn Y-Na thuộc Phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh để xem xe. Khi T đến nơi thì đã thấy anh Chinh đứng đợi ở đó, anh Chinh đồng ý C cố cho T chiếc xe trên với giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau đó khoảng 02 ngày T đã trả anh Chinh số tiền 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), hẹn 03 ngày sau T sẽ trả nốt anh Chinh số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) để lấy xe ra. Khi C cố chiếc xe anh Chinh và T không viết giấy tờ gì, T nói với anh Chinh là "Mai em viết giấy cho anh" nhưng sau đó T không gặp anh Chinh để chuộc xe ra nữa.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 39F2-6446 mang tên chủ sở hữu là Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ và xây dựng Xuân Đại Lợi có trụ sở tại A8-A9 KP6, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hiện công ty giao cho anh T quản lý đội máy xúc san lấp mặt bằng tại thôn Chỉ Tác, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang và chiếc xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, công ty đã ủy quyền toàn bộ cho anh T giải quyết vụ việc liên quan đến chiếc xe trên. Ngày 17/4/2018 anh T có đơn trình báo đến Công an huyện L về hành vi của Phạm Văn T. Cùng ngày 17/4/2018, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên Phạm Văn T đã đến Công an huyện L đầu thú.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B-270.59 mà T chiếm đoạt của ông C mang tên chủ sở hữu của ông Nguyễn Văn Vui ở thôn Đồng, xã Trường Sơn, huyện L là em vợ của ông C, tết âm lịch năm 2016 ông Vui cho ông C để sử dụng. Ngày 24/4/2018, anh Vũ Đình Hiệp T nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện L chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wawe RSX, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 98B1-270.59 để phục vụ quá trình điều tra.

Ngày 26/4/2018, anh Nguyễn Văn Chinh T nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Future, màu đỏ-đen-xám, BKS 39F2-6446 để phục vụ quá trình điều tra .

Ngày 20/4/2018 và ngày 23/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện L ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Future Neo, màu đỏ xám, số khung 613153, số máy 7025802, biển kiểm soát 39F2-6446 mua mới tháng 12 năm 2009 và chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wawe RSX, màu sơn đỏ-đen, số khung

405271, số máy 6351218, biển kiểm soát 98B1-270.59, mua mới năm 2011. Tại Kết luận định giá tài sản ngày 24/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Future Neo có trị giá 5.960.000 đồng (Năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wawe RSX, màu sơn đỏ-đen có trị giá 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) .

Ngày 01/6/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện L ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Ngày 01/6/2018 ông Dương Văn C đã nhận lại tài sản, ngày 15/6/2018 anh Đặng Văn T đã nhận lại tài sản và đều không có ý kiến gì.

Đối với anh Nguyễn Văn Chinh và anh Vũ Đình Hiệp quá trình C cố, thế chấp tài sản cho Phạm Văn T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đặt ra xem xét xử lý .

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Văn T đại diện cho bị hại đã nhận lại xe, được bồi thường thêm 3.000.000 đồng; ông Dương Văn C đã nhận lại xe, được bồi thường thêm 2.000.000 đồng và đều không yêu cầu gì thêm. Anh Nguyễn Văn Chinh không yêu cầu Phạm Văn T phải bồi thường gì. Anh Vũ Đình Hiệp yêu cầu Phạm Văn T phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Hiện T chưa bồi thường gì cho anh Hiệp.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Tại bản cáo trạng số 37/KSĐT ngày 17/7/2018 của VKSND huyện L đã truy tố bị cáo Phạm Văn T phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Bà Phạm Thị Q là mẹ đẻ của bị cáo trình bày: bà đã T nguyện bồi thường cho anh T 3.000.000 đồng, cho ông C 2.000.000 đồng, nay anh T và ông C đã có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo T.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND huyện L sau khi luận tội, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

- Áp dụng: khoản 1 Điều 175; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS . Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 9 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/4/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 BLDS. Buộc Phạm Văn T phải bồi thường cho anh Đinh Văn Hiệp 4.000.000 đồng

- Về án phí: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi phạm tội của bị cáo là sai và xin Hội đồng xét xử ở mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Chứng cứ xác định bị cáo phạm tội: Ngày 24/02/2018, T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wawe màu đỏ-đen, biển kiểm soát 98B1-270.59 của ông Dương Văn C rồi T nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau đó T mang xe đến nhà anh Vũ Đình Hiệp, đặt vay lấy số tiền 4.000.000 đồng, T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 98B1-270.59 có trị giá 9.600.000 đồng.

Ngày 15/4/2018, anh Đặng Văn T giao Phạm Văn T đi chiếc xe mô tô biển kiểm soát 39F2-6446 từ công trường khai thác đất (cách nhà anh T khoảng 500m) để mang đồ đạc về nhà anh T cất, sau đó T nảy sinh ý định chiếm đoạt. T đã mang xe của anh T đi C cố cho anh Nguyễn Văn Chinh lấy số tiền 5.000.000 đồng. Xe mô tô biển kiểm soát 39F2-6446 mà T chiếm đoạt là của Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ và xây dựng Xuân Đại Lợi trị giá 5.960.000 đồng.

[3] Các hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ Luật hình sự.

Tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đấy chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả".

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện 2 hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội Phạm Văn T đã đến cơ quan công an đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo và gia đình đã T nguyện khắc phục được trên ½ hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác. Bị cáo bị phạm tội nhiều lần nên cần phải buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét bị cáo phạm tội nhưng có tình tiết giảm nhẹ nên được giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Phạm Văn T hiện không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5]Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Vũ Đình Hiệp yêu cầu bị cáo bồi thường 4.000.000 đồng là có căn cứ theo luật được chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm .

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

- Áp dụng: khoản 1 Điều 175; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS .

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 10(mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/4/2018.

Về trách nhiêm dân sự: Áp dụng Điều 589 BLDS. Buộc Phạm Văn T phải bồi thường cho anh Đinh Văn Hiệp 4.000.000 đồng

Kể từ khi bản án có hiệu lựcpháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm bồi thường thì phải chịu lãi suất 10% một năm, đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136, Điều 331, Điều 333 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án.

Nơi nhận

- Tòa án Tỉnh
- VKSND huyện và tỉnh
- Công an huyện L;
- THADS huyện L;
-Trại giam CA tỉnh BG
- Bị cáo; UBND xã C.
- Lưu HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Văn Bảo